

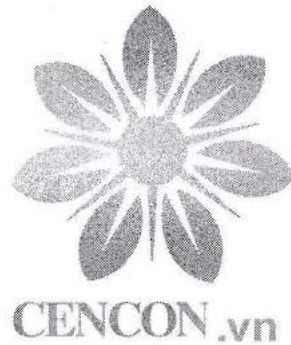
CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà Biệt thự số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0246 285 0292

Fax: 0246 285 0292

Website: cencon.vn



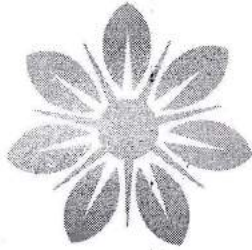
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**
- Tên giao dịch viết tắt: **CENCON., JSC**
- Nhận hiệu thương mại:



CENCON.vn

- **Trụ sở chính của Công ty:**
- **Địa chỉ:** Nhà Biệt thự số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- **Điện thoại:** 0246 285 0292 **Fax:** 0246 285 0292
- **Website:** cencon.vn
- **Mã số thuế:** 0107268056
- **Nơi mở tài khoản:** 032-01-01-688270-6 mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – chi nhánh Thanh Xuân
- **Vốn điều lệ:** **13.092.000.000 đồng** (Mười ba tỷ không trăm chín mươi hai triệu đồng)

Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần CENCON Việt Nam tiền thân là Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thái, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2015, với số vốn điều lệ ban đầu là 3 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là bán buôn tổng hợp. Các sản phẩm bán buôn chính bao gồm: Thực phẩm đông lạnh; Sản phẩm chăm sóc sức khỏe, thiết bị vật tư y tế; Vật liệu xây dựng chủ yếu cửa nhựa, cửa thép.

Để nâng cao năng lực hoạt động, tăng quy mô vốn của Công ty, năm 2017 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 13,092 tỷ đồng.

Trải qua hơn bốn năm hình thành và phát triển, với mục tiêu luôn cung cấp sản phẩm dịch vụ tốt nhất, công ty đã dần xây dựng được niềm tin cho khách hàng và có một số đối tác ổn định như: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm sạch 3F; Công ty cổ phần tập đoàn Đại Dương; Công ty cổ phần sự kiện và ẩm thực Hapro; Công ty cổ phần phát triển thương mại Gia đình Việt ...

Công ty luôn không ngừng củng cố và mở rộng quy mô mạng lưới hoạt động kinh doanh, tăng cường công tác quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và điều khiển, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, phát triển Công ty lên một tầm cao mới.

Thực hiện chiến lược đa ngành nghề, đa sở hữu và đa quốc gia, Cencon Việt Nam chủ trương liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức lớn, có quy mô và mạng lưới hoạt động rộng để phân phối sản phẩm...nhằm tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Ngày 02/02/2018, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

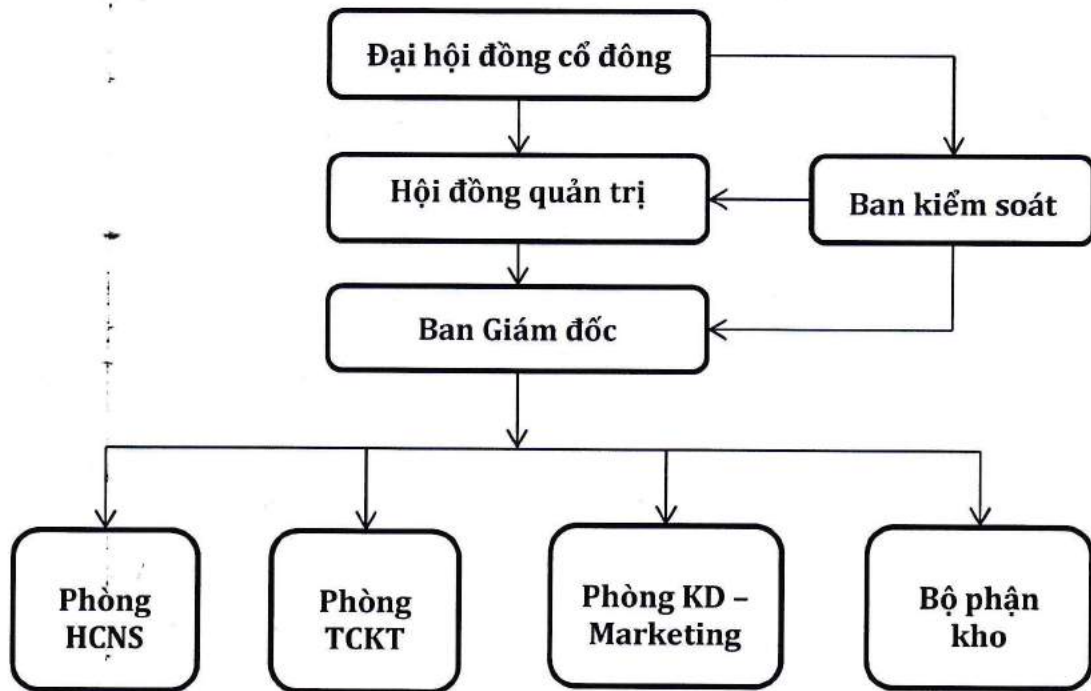
2. Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại, Công ty tập trung phân phối các sản phẩm sau:

- Phân phối sản phẩm thiết bị vật tư y tế.
- Bán buôn, bán lẻ thực phẩm đông lạnh.
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng (cửa nhựa, cửa thép, thép...)

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



(Nguồn: CENCON)

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần CENCON Việt Nam và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên: 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

❖ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét tư cách của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban điều hành Công ty.

❖ **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 02 (hai) người: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

• **Phòng Hành chính nhân sự**

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ;

- Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, tham mưu cho Ban giám đốc quyết định quy chế trả lương, thưởng;

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty;

- Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy lao động, nội quy, quy chế của Công ty và thực hiện công tác kỷ luật;

• **Phòng Tài chính Kế toán:**

- Chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính kế toán. Có chức năng huy động, điều phối nguồn tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi các khoản phải thu, chi, hạch toán chi phí, cập nhật chứng từ, lập thủ tục thanh quyết toán đối với từng hợp đồng.

- Thực hiện đúng chế độ chính sách của nhà nước về tài chính, chế độ bảo hiểm, thuế, khấu hao, tiền lương trong công ty.

- Theo dõi tình hình tài chính chung của công ty để báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, hàng quý với Giám đốc công ty. Phối hợp cùng các phòng ban khác để có kế hoạch tài chính cho toàn bộ công ty.

- Chịu trách nhiệm trước công ty và trước pháp luật về số liệu tài chính do mình theo dõi, cung cấp, quản lý.

• **Phòng Kinh doanh – Marketing:**

- Nghiên cứu, tiếp thị, khảo sát và tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư và hợp tác liên doanh để mở rộng phạm vi và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác kinh doanh, đẩy mạnh bán sản phẩm của công ty.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu.
- Chủ trì thương thảo, đàm phán các hợp đồng hợp tác.
- Nghiên cứu đặc điểm như: cung cầu, văn hóa, của các thị trường nhằm tìm ra thị trường tiềm năng. Lên kế hoạch, phân tích thị trường tiềm năng để xây dựng những chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm đạt được chiến lược định vị thị trường của Công ty. Tham mưu cho ban giám đốc về chiến lược quảng bá hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao giá trị thương hiệu của Công ty.

• **Bộ phận kho:**

- Nhiệm vụ chính của bộ phận kho: tổ chức thực hiện triển khai các kế hoạch xuất nhập hàng; Quản lý hàng hóa về cả số lượng và chất lượng; Sắp xếp, bảo quản hàng hóa và kiểm soát các điều kiện bảo quản; Đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty con:

❖ **Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang**

Giấy CNĐKKD	Số 5100448429 cấp lần đầu ngày 10/05/2017, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 23/08/2018
Vốn điều lệ	10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Thôn Giang Nam, Xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam
Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính	Trồng cây gia vị, cây dược liệu
Tỷ lệ sở hữu	Công ty Cổ phần CenCon Việt Nam sở hữu: 95% vốn điều lệ, tương đương với 9.500.000.000 (Chín tỷ năm trăm triệu đồng)

- Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển của Công ty

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trên cơ sở triển vọng phát triển ngành, Công ty đón đầu cơ hội và có kế hoạch vượt qua thách thức để xây dựng Công ty phát triển một cách toàn diện, bền vững.

Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và từng bước phát triển Công ty trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước.

Xây dựng CENCON là Công ty phân phối có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.

Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và mở rộng hoạt động phân phối các sản phẩm với khách hàng truyền thống của Công ty. Bên cạnh đó, bắt đầu từ năm 2018 Công ty từng bước nghiên cứu và đưa ra thị trường phân phối đa dạng các sản phẩm trong lĩnh vực nông sản.

Định hướng của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, thị trường và chính sách của nhà nước.

4.2. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Quy mô tổng tài sản cũng như nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty hiện tại còn nhỏ so với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường, hoạt động kinh doanh chưa đa dạng, Công ty chủ yếu tập trung vào lĩnh vực bán buôn tổng hợp, phân phối thiết bị y tế, vật liệu xây dựng. Trong dài hạn, Công ty tìm kiếm thêm cơ hội phát triển hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực, ngành nghề khác để có thể tối ưu hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích cho cổ đông Công ty.

Kinh doanh thiết bị vật tư y tế: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới và khu vực đang diễn ra mạnh mẽ, ngành y tế, cụ thể là việc sản xuất, kinh doanh trang thiết bị y tế cũng đang hội nhập sâu rộng, đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Nghị định số 36/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 15/05/2016 về Quản lý trang thiết bị y tế đã tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

Ngành vật liệu xây dựng: Với sự hồi phục mạnh mẽ của thị trường bất động sản và chủ trương đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, ngành vật liệu xây dựng trong năm qua đã có những bước tiến phát triển.

Phân phối thực phẩm, hàng tiêu dùng: Việt Nam vẫn được xem là một trong những nước có thị trường bán lẻ hấp dẫn giai đoạn 2015 – 2020. Theo tổ chức nghiên cứu thị trường Nielsen, trong mức tăng trưởng doanh thu bán hàng bình quân hàng năm của Việt Nam thì giá cả tăng chiếm tới 70% khoản tăng đó. Dự báo doanh số bán lẻ trong giai đoạn 2015 – 2020 bình quân tăng khoảng 8,5%/năm. Doanh thu tăng trưởng sẽ phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập khả dụng của người dân và sự gia tăng của tầng lớp trung lưu. Thị trường bán lẻ của Việt Nam vẫn còn khá nhỏ so với nhiều nước Đông Nam Á khác. Khi thị trường bán lẻ ngày càng mở cửa hơn nữa thì chắc chắn cơ hội phát triển của Công ty ngày một cao.

5. Các yếu tố rủi ro

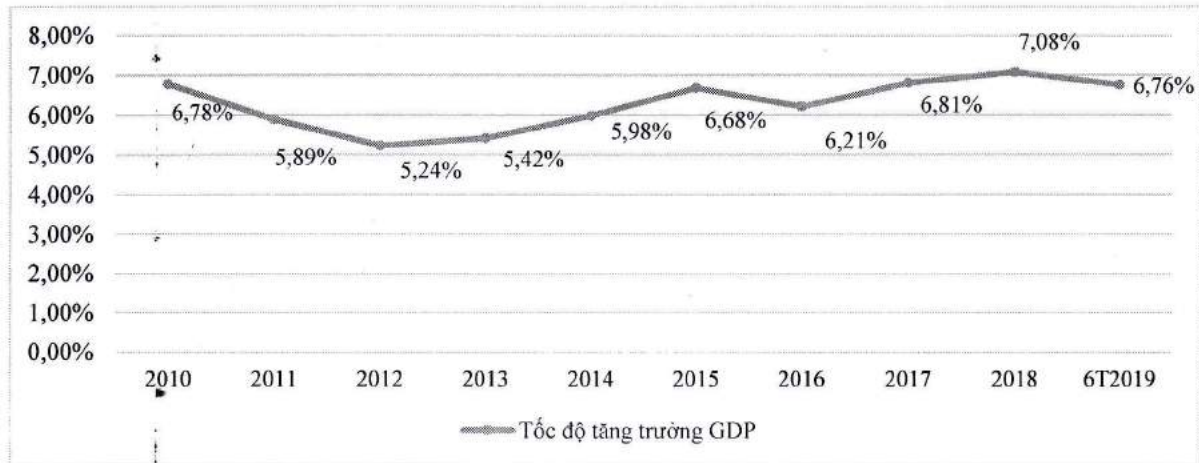
5.1. Rủi ro kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và tổ chức phát hành nói riêng.

a. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện. Tăng trưởng GDP Việt Nam có dấu hiệu chững lại trong nửa đầu năm 2017 do khó khăn của khu vực khai khoáng trước khi phục hồi ngoạn mục vào nửa cuối năm nhờ động lực của khu vực chế biến chế tạo. Mức tăng GDP 2017 vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 6,81%. Trong năm 2018, tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến vẫn tiếp tục tăng nhờ tiêu dùng và đầu tư nội địa tiếp tục tăng cộng thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khả quan đạt 7,08%. Năm 2019, mức tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,02%..

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank

Việc nền kinh tế Việt Nam hồi phục và tăng trưởng sẽ kéo theo nhu cầu tiêu dùng, chăm sóc sức khỏe. Đây được coi là tín hiệu đáng mừng đối với các hoạt động kinh doanh thương mại của tổ chức phát hành trong năm nay.

b. Rủi ro về lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay.

Năm 2017, mặt bằng lãi suất cho vay khá ổn định, phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn và 9%-10,5%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Mặt bằng lãi suất nửa đầu 2018 chỉ biến động nhẹ quanh mức cuối năm 2017, trong biên độ 20 điểm cơ bản và trần lãi suất đối với các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng trong các điều kiện thuận lợi có thể giảm nhẹ. Mặt bằng lãi suất trong năm 2019 giảm nhẹ, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, DN nhỏ và vừa, DN ứng dụng công nghệ cao cũng giảm từ 6,5%/năm xuống 6,0%/năm. Riêng lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 7,5%/năm xuống 7,0%/năm

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty không có khoản vay trung và dài hạn đối với bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Vì vậy rủi ro lãi suất của Công ty được đánh giá là không ảnh hưởng nhiều.

c. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Chỉ số lạm phát tăng quá cao sẽ làm gia tăng gánh nặng chi phí vốn cũng như chi phí quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Theo Báo cáo Tình hình Kinh tế xã hội 2016 của Tổng cục Thống kê, lạm phát cơ bản bình quân năm 2016 tăng 1,83% so với bình quân năm 2015. Lạm phát năm 2017 tiếp tục được duy trì ở mức ổn định, lạm phát cho thấy dấu hiệu chạm đáy và đi lên trong 4 tháng đầu năm, giảm trở lại vào tháng 5 và tháng 6 trước khi tăng vào 6 tháng cuối năm. Như vậy, lạm phát ổn định giúp cho các doanh nghiệp cũng như tổ chức phát hành giảm thiểu được những rủi ro từ việc gia tăng chi phí đầu vào và các chi phí khác liên quan. Bên cạnh đó, với chính sách đảm bảo nguồn cung đầu vào ổn định thông qua hệ thống các nhà cung ứng, ký kết các hợp đồng giữ giá với nhà cung cấp, tổ chức phát hành đã giảm thiểu tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Tỷ lệ lạm phát năm 2019 là 2,79%, thấp nhất trong 3 năm gần đây.

5.2. Rủi ro luật pháp

Nhằm tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đã thực hiện đăng ký trở thành Công ty đại chúng từ ngày 02/02/2018, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên tổ chức phát hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

5.3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là bán buôn tổng hợp. Xuất phát từ đặc điểm là một công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại, phân phối, Công ty luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù từ hoạt động kinh doanh gồm: (i) rủi ro trong hoạt động kinh doanh thương mại; (ii) rủi ro xuất phát từ công ty; và các rủi ro khác.

a. Rủi ro hoạt động kinh doanh thương mại

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh thương mại: Do đặc thù ngành thương mại, công ty phải đảm bảo hàng hóa luôn có sẵn để đáp ứng ngay cho khách hàng, hàng trong kho quá ít sẽ thiếu khi khách hàng cần, và nếu nhập quá nhiều hàng sẽ làm hạn chế khả năng xoay vòng vốn. Vì vậy công ty phải quản lý cân đối hàng tồn kho phục vụ khách hàng để đạt hiệu quả cao.

Rủi ro về giá đầu vào: Đối với hoạt động kinh doanh thương mại, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn, tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy, sự biến động về giá cả của một số nguyên liệu và các mặt hàng, cụ thể là hàng vật tư thiết bị y tế, hàng đông lạnh... có ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

b. Rủi ro xuất phát từ Công ty

Rủi ro nhân sự: Mục tiêu của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, trở thành công ty đa ngành nghề, đa sở hữu và đa quốc gia. Do đó, nhân sự cao cấp và có trình độ chuyên môn giỏi là vấn đề quan trọng để Công ty sớm đạt được mục tiêu. Tuy nhiên nguồn nhân sự này ở doanh nghiệp còn hạn chế, ý thức được rủi ro này, Công ty đã tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.

Rủi ro cạnh tranh: Với sự hấp dẫn của ngành kinh doanh thương mại, sự hình thành các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng tăng, đồng thời sự có mặt và liên tục mở rộng quy mô của các nhà bán buôn, bán lẻ lớn trên thế giới đang khiến cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại của các công ty tại Việt Nam ngày càng khó khăn và gay gắt.

Rủi ro cung cấp: Hàng hóa đầu vào, nhà cung ứng, chính sách thuế đều ảnh hưởng đến khả năng cung ứng đầu vào cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi khả năng cung ứng đầu vào không được đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

của Công ty. Để hạn chế rủi ro này thì trong quá trình thẩm định cần kiểm tra hợp đồng, đánh giá uy tín của nhà cung ứng.

5.4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông và các nhà đầu tư.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

5.5. Rủi ro khác

Ngoài những nhân tố rủi ro trên, một số nhân tố rủi ro khác mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ hoàn thành
1	Vốn điều lệ	103.727	13.092	0%
2	Doanh thu thuần	170.000	66.814	39,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	15.600	929	6,0%
4	Cổ tức	15%	0%	0,0%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trong năm 2019, tổng doanh thu của Công ty đạt mức 66,814 tỷ đồng, hoàn thành 39,3% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 929 triệu đồng, đạt 6% so với kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Mạc Thị Hoa	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT độc lập
4	Nguyễn Thị Minh Hội	Thành viên HĐQT độc lập
5	Lương Quang Hiệp	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Nguyễn Thị Phương Thanh	Trưởng BKS
2	Vũ Minh Chính	Thành viên BKS
3	Tường Thị Bích Thạch	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc	
1	Nguyễn Tiến Thành	Giám đốc
2	Lương Quang Hiệp	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Mạc Thị Hoa	Kế toán trưởng

2.1. Ông Trần Mạnh Sơn- Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/11/1983

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Số CMND: 035083002323
- Nơi cấp: ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư Ngày cấp: 19/04/2017
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 13.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Bà Mạc Thị Hoa – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/04/1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Số CMND: 017436117
- Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 09/12/2012
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 90.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Ông Nguyễn Hữu Thường – Thành viên HĐQT độc lập

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/09/1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Cộng Hòa, Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMND: 0112715864
- Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 04/03/2011
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4. Bà Nguyễn Thị Minh Hội – Thành viên HĐQT độc lập

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/10/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Thôn Lưu Hạ, X. Tân Lập, H. Yên Mỹ, T. Hưng Yên
- Số CMND: 033179000416
- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DL về dân cư Ngày cấp: 17/06/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cao đẳng
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.5. Ông Lương Quang Hiệp – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/04/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thịnh Quang, Huyện Nam Sách, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: T.Cao Trung, X.Đức Giang, H. Hoài Đức, Hà Nội
- Số CMND: 017377943
- Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 03/05/2012
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tử
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 90.000 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.6. Bà Nguyễn Thị Phương Thanh - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 21/03/1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Hà – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P19, C3 Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013656292
- Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 05/07/2013
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần

- Những người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.7. Ông Vũ Minh Chính – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/12/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Khu 3, T.Cự Trữ, X.Phương Định, H.Trực Ninh, Nam Định
- Số CMND: 163281633
- Nơi cấp: CA. Nam Định Ngày cấp: 23/04/2011
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
- Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
- Những người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.8. Bà Trương Thị Bích Thạch - Thành viên BKS

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMND: 01249646
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự:

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 2306/HĐQT tại ngày 22/06/2019, miễn nhiệm đối với Ông Nguyễn Tiến Thành và bổ nhiệm Ông Trần Mạnh Sơn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

❖ **Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty và yêu cầu công việc tại từng bộ phận cụ thể trong đó ưu tiên lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Đào tạo: Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Công ty. Chính sách đào tạo của Công ty có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh của Công ty và kế hoạch hàng năm, Chính sách đào tạo của Công ty được triển khai theo các loại hình đào tạo sau:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: dựa vào yêu cầu công việc và kết quả đánh giá, Công ty phân tích nhu cầu đào tạo và thiết kế các chương trình đào tạo chuyên môn, kết hợp với các chuyên gia bên trong và bên ngoài (tổ chức đào tạo) để thực hiện.

- Đào tạo về quản lý: tương tự như đào tạo chuyên môn nghiệp vụ nhưng đặc biệt chú trọng đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch và cán bộ được đề bạt lên vị trí cao hơn hoặc luân chuyển.

- Kèm cặp trong công việc: thực hiện thường xuyên, do các Phòng ban/Bộ phận trực tiếp thực hiện, người có kinh nghiệm được giao kèm cặp nhân viên mới.

Chính sách tiền lương:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế.

Nguyên tắc phân phối quỹ tiền lương năng suất: Phân phối theo lao động, gắn tiền lương với trách nhiệm công tác, năng suất lao động, hiệu quả lao động của từng người, khuyến khích người có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2019, Công ty duy trì việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang với lĩnh vực kinh doanh chính là trồng cây gia vị, cây dược liệu và bán buôn tổng hợp bằng hình thức nắm giữ 950.000 cổ phần tương đương với 9.500.000.000 đồng – chiếm 95% tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang.

Đồng thời, Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty tại địa chỉ thôn Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính**4.1. Tình hình tài chính**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	53.419	42.374	(20,67%)
Doanh thu thuần	120.017	66.853	(44,3%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.354	1.291	(70,3%)
Lợi nhuận khác	30	(130)	(533,3%)
Lợi nhuận trước thuế	4.385	1.161	(73,5%)
Lợi nhuận sau thuế	3.515	929	(73,6%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019)

Biến động Doanh thu, Lợi nhuận hoạt động của Công ty năm 2019 so với năm 2018:

Trong năm 2019, Tổng giá trị tài sản của Công ty giảm nhẹ so với năm 2018. Doanh thu thuần đạt 66,853 tỷ đồng – giảm 44,3% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 929 triệu đồng – giảm 73,6% so với năm 2018.

4.2. Các chỉ tiêu khác:**Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,03	1,64
TSNH/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,55	1,44
(TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,68	0,58
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,14	1,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho GVHB/HTK bình quân	Vòng	10,18	5,45
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	3,22	1,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,93	1,39
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,9	5,31
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,42	1,94
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,63	1,93

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và năm 2018)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Vốn điều lệ:	13.092.000.000 đồng
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành:	1.309.200 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông Công ty**a. Cơ cấu cổ đông công ty tại thời điểm 03/04/2020**

S T T	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	443	1.309.200	13.092.000.000	100%
	Cổ đông là tổ chức	3	62.000	240.000.000	4,74%
	Cổ đông là cá nhân	440	12.472.200	12.285.000.000	95,26%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Cổ đông là tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông là cá nhân	-	-	-	-
	Tổng Cộng	443	1.309.200	13.092.000.000	100%

b. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 03/04/2020

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	NGUYỄN TIÊN THÀNH	Số 1/3/15A, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội	120.000	9,17
2	TRIỆU TIẾN DUẤN	La Dương, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	90.000	6,87
3	MẠC THỊ HOA	Số 20, Ngõ 358/40/62 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	90.000	6,87
	Tổng cộng		300.000	22,91

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ năm 2019 không thay đổi so với năm 2018: 13.092.000.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**5.5. Các chứng khoán khác: Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, Công ty đã duy trì vốn điều lệ là 13,092 tỷ đồng. Doanh thu thuần của Công ty đạt được trong năm 2019 là 66,814 tỷ đồng – đạt 39,3% so với kế hoạch. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt giá trị 0,9 tỷ đồng – đạt 6,0% so với kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	37.515	40.266	(32,9%)
Tài sản dài hạn	15.905	2.108	5,5%
Tổng tài sản	53.419	42.374	(20,7%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019)

b) Tình hình biến động nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	36.386	24.412	7,3%
Vốn Chủ sở hữu	17.033	17.963	(86,7%)
Tổng cộng nguồn vốn	53.419	42.374	(20,7%)

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019)

c) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
Nợ ngắn hạn	36.386	24.412
Phải trả người bán ngắn hạn	30.955	16.566
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.113	-

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	247	419
Phải trả ngắn hạn khác	558	827
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.513	6.600
Nợ dài hạn	-	-
Tổng cộng	36.386	24.412

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở triển vọng phát triển ngành, Công ty đón đầu cơ hội và có kế hoạch vượt qua thách thức để Xây dựng Công ty phát triển một cách toàn diện, bền vững.

Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và từng bước phát triển Công ty trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước.

Xây dựng CENCON là Công ty phân phối có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.

Mục tiêu cụ thể

Duy trì và mở rộng hoạt động phân phối các sản phẩm với khách hàng truyền thống của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty từng bước nghiên cứu và đưa ra thị trường phân phối đa dạng các sản phẩm trong lĩnh vực nông sản.

Định hướng của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, thị trường và chính sách của nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Công ty trong năm 2019 đã thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp với quan điểm của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong kỳ đại hội trước đó. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Nhìn chung trong năm tài khóa 2019, Ban điều hành Công ty đã thực hiện được cơ bản các nghị quyết của Đại hội cổ đông. Vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty kinh doanh có lãi trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái trầm trọng, đưa ra được những quyết định hợp lý để bảo toàn vốn của cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, HBXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm 2019, HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2020 bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng tháng nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động không ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2020.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Kèm theo)

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Mạnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hà Nội - Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà BT số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2018. Mã chứng khoán: CEN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/06/2019)
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/06/2019)
Mạc Thị Hoa	Thành viên
Lương Quang Hiệp	Thành viên
Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Nguyễn Thị Minh Hội	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Tiến Thành	Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Mạnh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 374/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized letters, positioned above a horizontal line.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

T
A
N
A
P

17
17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.266.237.571	37.514.931.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	942.624.921	1.512.052.747
1. Tiền	111		942.624.921	1.512.052.747
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.974.996.448	18.045.107.885
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.102.910.315	7.739.989.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	8.799.886.133	3.630.118.770
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	72.200.000	3.675.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	5.053.494.664	17.355.511.529
1. Hàng tồn kho	141		5.053.494.664	17.355.511.529
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		295.121.538	602.259.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	284.756.300	135.259.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.365.238	466.999.701
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.108.058.208	15.904.509.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	50.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.088.687.577	1.313.461.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.088.687.577	1.313.461.821
- Nguyên giá	222		1.348.645.455	1.348.645.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.957.878)	(35.183.634)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	9.994.221.290
- Nguyên giá	231		-	10.092.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(97.778.710)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	118.181.818	4.377.275.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.181.818	4.377.275.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		851.188.813	219.551.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	851.188.813	219.551.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		42.374.295.779	53.419.441.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		24.411.579.466	36.386.022.797
I. Nợ ngắn hạn	310		24.411.579.466	36.386.022.797
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	16.565.538.819	30.954.620.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.113.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	419.390.647	246.951.836
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	826.650.000	558.450.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	6.600.000.000	2.513.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.962.716.313	17.033.418.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	17.962.716.313	17.033.418.339
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.092.000.000	13.092.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.092.000.000	13.092.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.357.541.233	3.436.816.531
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.441.418.339	581.018.733
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		916.122.894	2.855.797.798
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		513.175.080	504.601.808
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		42.374.295.779	53.419.441.136

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Hà

Mạc Thị Hoa

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	66.853.032.563	120.433.521.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	38.947.610	416.128.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		66.814.084.953	120.017.393.122
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	61.102.987.653	111.878.456.947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		5.711.097.300	8.138.936.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	143.057.997	496.301
7. Chi phí tài chính	22	5.20	983.499.420	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.200.000	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	5.21	828.130.000	1.137.717.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	2.751.281.271	2.647.222.885
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.291.244.606	4.354.492.591
12. Thu nhập khác	31		53.625	36.630.617
13. Chi phí khác	32		129.804.046	6.530.699
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(129.750.421)	30.099.918
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.161.494.185	4.384.592.509
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	232.196.211	869.592.903
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		929.297.974	3.514.999.606
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		920.724.702	3.512.325.587
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.573.272	2.674.019
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	703,27	2.682,80

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Hà

Mạc Thị Hoa

Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.161.494.185	4.384.592.509
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			349.916.247	127.477.333
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		224.774.244	127.973.634
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(143.057.997)	(496.301)
Chi phí lãi vay	06		268.200.000	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.511.410.432	4.512.069.842
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.523.254.100)	(12.034.616.737)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.302.016.865	(12.729.820.857)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.460.414.984)	26.419.383.815
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(781.133.950)	(247.418.596)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(199.203.268)	(1.015.899.830)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(22.150.579.005)	4.903.697.637
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		14.351.093.182	(5.725.920.455)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		143.057.997	496.301
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		17.494.151.179	(8.725.424.154)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.600.000.000	15.513.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.513.000.000)	(13.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(96.150.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4.087.000.000	2.416.850.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(569.427.826)	(1.404.876.517)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.512.052.747	2.916.929.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	942.624.921	1.512.052.747

Người lập

Phạm Thị Hà

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020



Trần Mạnh Sơn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint Stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: nhà BT số 28 dãy 16B4, làng Việt kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2019. Mã chứng khoán: CEN.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 15 người (tại ngày 31/12/2018 là 23 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là bán buôn tổng hợp

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có Công ty con được hợp nhất đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh chính
	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	95,00	95,00	Hà Giang, Hà Nội	Trồng cây gia vị, cây dược liệu; bán buôn tổng hợp

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-

BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký Chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 30/6 và ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua. Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Năm 2019, Công ty thực hiện phân loại tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất sang bất động sản đầu tư cho thuê.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá và bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất không thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

- Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
- Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.
- Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thực hiện dự án: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết.
- trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bán buôn tổng hợp trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	210.835.709	408.676.473
Tiền gửi ngân hàng	731.789.212	1.103.376.274
Tổng	942.624.921	1.512.052.747

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>25.102.910.315</i>	<i>7.739.989.115</i>
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	-	2.047.982.220
Công ty TNHH Nhật Hải Bình	-	14.758.614
Công ty TNHH thực phẩm Thái Việt	-	2.764.276.276
Công ty Cổ phần Đông Dược Ninh Bình	2.900.183.496	1.396.304.635
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại XNK Daco	8.302.663.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại XNK Famy	3.813.521.228	-
Nguyễn Đức Hà	5.061.007.500	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	5.025.534.444	1.516.667.370

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>8.799.886.133</i>	<i>3.630.118.770</i>
Công ty CP Đầu tư Và Phát Triển Du Lịch Sa Pa	-	2.938.300.000
Công ty Cổ phần đầu tư Hải Phát	-	683.732.500
Lê Duy Thái	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Quốc tế Vimex Việt Nam	1.771.000.000	-

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vũ Thị Hòa	-	3.000.000.000
Tổng	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.5 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	72.200.000	-	3.675.000.000	-
Tạm ứng (*)		-	3.675.000.000	-
Phải thu khác	72.200.000	-	-	-

(*) Số dư tạm ứng của ông Trần Mạnh Sơn giá trị 3.600.000.000 đồng với mục đích tìm và mua đất trồng dược liệu cho Công ty, đến tháng 2/2019 đã hoàn ứng do chưa thực hiện được theo kế hoạch.

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.053.494.664	-	17.355.511.529	-
Tổng	5.053.494.664	-	17.355.511.529	-

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

<u>Khoản mục</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.348.645.455	1.348.645.455
Mua trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	1.348.645.455	1.348.645.455
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	35.183.634	35.183.634
Khấu hao trong năm	224.774.244	224.774.244
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	259.957.878	259.957.878
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.313.461.821	1.313.461.821
Tại ngày cuối năm	1.088.687.577	1.088.687.577

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	10.092.000.000	-	10.092.000.000	-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000	-	9.164.100.000	-
Nhà	927.900.000	-	927.900.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	97.778.710	35.669.274	133.447.984	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	97.778.710	35.669.274	133.447.984	-
Giá trị còn lại	9.994.221.290			-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000			-
Nhà	830.121.290			-

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Mua sắm	-	4.377.275.000
Sửa chữa	118.181.818	-
Tổng	118.181.818	4.377.275.000

Tài sản dở dang dài hạn đầu kỳ của Công ty là chi phí mua bất động sản làm văn phòng.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.518.850	122.909.802
Chi phí thuê kho	109.300.000	12.350.000
Các khoản khác	106.937.450	-
Dài hạn	851.188.813	219.551.361
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	387.221.268	219.551.361
Chi phí khác	463.967.545	-
Tổng	1.135.945.113	354.811.163

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MÃU B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm				Đơn vị tính: VND
	31/12/2019	01/01/2019			
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ		
	Giá gốc	Tăng	Giảm	Giá gốc	
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>6.600.000.000</i>	<i>6.600.000.000</i>	<i>2.513.000.000</i>	<i>2.513.000.000</i>	<i>2.513.000.000</i>
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-	-
Mạc Thị Hoa	-	-	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân:

- Khoản vay ông Trần Mạnh Sơn theo các hợp đồng vay cá nhân số: CEN-TMS số 01/2019 ngày 21/06/2019 với giá trị 2,5 tỷ đồng và hợp đồng vay cá nhân số: 02/2019/ CEN-TMS ngày 07/08/2019 với giá trị 4,1 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 9%/năm, không có tài sản đảm bảo.
- Khoản vay bà Mạc Thị Hoa theo hợp đồng vay cá nhân số HDVCN01/2018/MTH-CEN ngày 10/12/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/2018 ngày 10/12/2018; 02/KUNN/2018 ngày 14/12/2018 với tổng giá trị 2.513.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 0%/năm, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>16.565.538.819</i>	<i>16.565.538.819</i>	<i>30.954.620.961</i>	<i>30.954.620.961</i>
Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hoàng Lan	-	-	2.023.390.348	2.023.390.348
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	3.998.622.995	3.998.622.995	26.360.120.113	26.360.120.113
Công Ty TNHH Asia Minh Đức	-	-	171.110.500	171.110.500
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Sơn Tùng	5.493.991.030	5.493.991.030	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Top One	4.791.032.304	4.791.032.304	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Vimex Việt Nam	-	-	1.340.000.000	1.340.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển du lịch SAPA	-	-	1.060.000.000	1.060.000.000
Đối tượng khác	2.281.892.490	2.281.892.490	-	-
Tổng	16.565.538.819	16.565.538.819	30.954.620.961	30.954.620.961

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Năm 2019			31/12/2019
	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	28.167.220	258.620.798	143.753.581	143.034.437
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	169.344.616	262.054.862	199.203.268	232.196.210
Thuế Thu nhập cá nhân	49.440.000	77.820.000	83.100.000	44.160.000
Thuế khác	-	17.355.437	17.355.437	-
Tổng	246.951.836	615.851.097	443.412.286	419.390.647

5.14 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>826.650.000</i>	<i>558.450.000</i>
Lãi vay phải trả	268.200.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558.450.000	558.450.000
Tổng	826.650.000	558.450.000

5.15 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.092.000.000	579.090.944	13.671.090.944
Lãi trong năm trước	-	3.512.325.587	3.512.325.587
Chia cổ tức	-	(654.600.000)	(654.600.000)
Số dư đầu năm nay	13.092.000.000	3.436.816.531	16.528.816.531
Lãi trong năm nay	-	920.724.702	920.724.702
Số dư cuối năm	13.092.000.000	4.357.541.233	17.449.541.233

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của cổ đông	13.092.000.000	13.092.000.000
Tổng	13.092.000.000	13.092.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	13.092.000.000	13.092.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	13.092.000.000	13.092.000.000
Cổ tức đã chia	-	654.600.000

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.309.200	1.309.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.309.200	1.309.200
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.309.200	1.309.200
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>66.853.032.563</i>	<i>120.433.521.343</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.853.032.563	120.433.521.343

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	38.947.610	416.128.221
Tổng	38.947.610	416.128.221

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	61.102.987.653	111.878.456.947
Tổng	61.102.987.653	111.878.456.947

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.035.379	496.301
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.022.618	-
Tổng	143.057.997	496.301

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	268.200.000	-
Chi phí lãi vay	715.299.420	-
Tổng	983.499.420	-

5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong</i>	<i>2.751.281.271</i>	<i>2.647.222.885</i>
Chi phí nhân viên quản lý	958.429.000	1.124.972.500
Chi phí vật liệu quản lý	-	12.970.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	690.243.827	233.067.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.443.518	127.973.634
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.110.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	738.392.229	821.741.458
Chi phí khác bằng tiền	97.772.697	320.387.735
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>828.130.000</i>	<i>1.137.717.000</i>
Chi phí nhân viên	732.130.000	1.041.717.000
Chi phí khác bằng tiền	96.000.000	96.000.000
Tổng	3.579.411.271	3.784.939.885

5.22 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	232.196.211	869.592.903
Tổng	232.196.211	869.592.903

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	920.724.702	3.512.325.587
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	920.724.702	3.512.325.587
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.309.200	1.309.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	703,27	2.682,80

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

6.2 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Nguyễn Tiến Thành
Mạc Thị Hoa
Lương Quang Hiệp
Nguyễn Hữu Thường
Nguyễn Thị Minh Hội
Trần Ngọc Mai
Triệu Tiến Duẩn
Trần Mạnh Sơn

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Trả tiền	3.600.000.000	3.782.598.000
Trần Mạnh Sơn	3.600.000.000	3.782.598.000
Tạm ứng	-	3.600.000.000
Trần Mạnh Sơn	-	3.600.000.000
Vay	6.600.000.000	15.513.000.000
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-
Trả tiền vay	2.513.000.000	13.000.000.000
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban giám đốc - Lương và thu nhập khác	86.400.000	123.460.000
Tổng	86.400.000	123.460.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Phải thu khác</i>	-	3.600.000.000
Trần Mạnh Sơn	-	3.600.000.000
<i>Vay và nợ</i>	6.600.000.000	2.513.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hà

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hà Nội - Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà BT số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2018. Mã chứng khoán: CEN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên

Trần Mạnh Sơn
Nguyễn Tiến Thành
Mạc Thị Hoa
Lương Quang Hiệp
Nguyễn Hữu Thường
Nguyễn Thị Minh Hội

Chức vụ

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/06/2019)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/06/2019)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên

Nguyễn Tiến Thành

Chức vụ

Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Mạnh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 374/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized letters.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

19/03/2020
Y
I
N
AM
V.P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.941.269.587	24.972.758.282
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	181.328.457	1.363.592.412
1. Tiền	111		181.328.457	1.363.592.412
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.604.185.443	8.532.135.880
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.575.299.310	4.827.017.110
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.886.133	3.630.118.770
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	-	75.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	4.898.394.664	14.584.737.789
1. Hàng tồn kho	141		4.898.394.664	14.584.737.789
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		257.361.023	492.292.201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	257.361.023	25.292.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	466.999.701
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.608.058.208	25.404.509.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	50.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		1.088.687.577	1.313.461.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.088.687.577	1.313.461.821
- Nguyên giá	222		1.348.645.455	1.348.645.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.957.878)	(35.183.634)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.7	-	9.994.221.290
- Nguyên giá	231		-	10.092.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(97.778.710)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	118.181.818	4.377.275.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.181.818	4.377.275.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.3	9.500.000.000	9.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.500.000.000	9.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		851.188.813	219.551.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	851.188.813	219.551.361
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		41.549.327.795	50.377.267.754

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN			31/12/2019	01/01/2019
	MS	TM	VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		24.350.113.102	33.935.885.581
I. Nợ ngắn hạn	310		24.350.113.102	33.935.885.581
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	16.565.538.819	28.554.620.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.113.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	357.924.283	196.814.620
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	826.650.000	558.450.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	6.600.000.000	2.513.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.199.214.693	16.441.382.173
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	17.199.214.693	16.441.382.173
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.092.000.000	13.092.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.092.000.000	13.092.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.107.214.693	3.349.382.173
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.349.382.173	579.090.944
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		757.832.520	2.770.291.229
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		41.549.327.795	50.377.267.754

Người lập

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	60.733.109.281	111.293.899.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	38.947.610	416.128.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		60.694.161.671	110.877.771.410
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	55.723.113.913	103.372.831.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		4.971.047.758	7.504.939.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	64.776.259	430.995
7. Chi phí tài chính	22	5.19	983.499.420	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.200.000	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	678.130.000	987.717.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	2.297.719.529	2.235.992.158
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.076.475.068	4.281.661.415
11. Thu nhập khác	31	5.21	48.625	2.621
12. Chi phí khác	32	5.22	129.361.326	550.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(129.312.701)	(547.379)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		947.162.367	4.281.114.036
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	189.329.847	856.222.807
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		757.832.520	3.424.891.229

Người lập

Phạm Thị Hà

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		947.162.367	4.281.114.036
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			475.889.877	127.542.639
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		260.443.518	127.973.634
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.753.641)	(430.995)
Chi phí lãi vay	06		268.200.000	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.423.052.244	4.408.656.675
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.400.694.664)	(5.521.644.732)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.686.343.125	(9.959.047.117)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.934.476.153)	23.299.809.998
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(863.705.975)	(137.451.294)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.826.173)	(835.020.922)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(15.285.307.596)	11.255.302.608
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.725.920.455)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.963.290.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.753.641	430.995
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		10.016.043.641	(15.225.489.460)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.600.000.000	15.513.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.513.000.000)	(13.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(96.150.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4.087.000.000	2.416.850.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(1.182.263.955)	(1.553.336.852)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.363.592.412	2.916.929.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> (70 = 50+60+61)	70	5.1	181.328.457	1.363.592.412

Người lập

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020
 Chủ tịch HĐQT
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
CENCON
 VIỆT NAM
 Q. HÀ ĐÔNG - T. PHẠM NỘ

Trần Mạnh Sơn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà BT số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2018. Mã chứng khoán: CEN..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 15 người (tại ngày 31/12/2018 là 23 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...); - Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng. Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
- Xây dựng nhà để ở. Xây dựng nhà không để ở
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm. Trồng cây hàng năm khác, Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm)
- Trồng cây lâu năm khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Trồng cây ăn quả. Chăn nuôi gia cầm. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chế biến và bảo quản rau quả. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Sản xuất linh kiện điện tử. Đóng tàu và cấu kiện nổi.
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.
- Dúc sắt, thép. Dúc kim loại màu.
- Thu gom rác thải không độc hại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người). Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu, Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. In ấn. Dịch vụ liên quan đến in.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Sản xuất giấy nhân, bìa nhân, bao bì từ giấy và bìa. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Sản xuất các loại bánh từ bột. Thu gom rác thải độc hại. Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
- Bán buôn tổng hợp. Bán buôn đồ uống. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ nhà nước cấm). Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
-

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Quảng cáo. Cho thuê xe có động cơ. Vận tải hành khách đường bộ khác. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Điều hành tua du lịch. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Bán buôn tổng hợp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
Công ty con sở hữu trực tiếp				
1	Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	Hà Giang, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu; bán buôn tổng hợp	95,00 %

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính được lập cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Năm 2018, Công ty thực hiện phân loại tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất sang bất động sản đầu tư cho thuê.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá và bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất không thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

KẾ TOÁN TỔNG QUẢN LÝ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước được phân bổ cho thời hạn thuê trả trước; và
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty trong năm là trích trước chi phí thường xuyên và chi phí lãi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền
- (c) kiểm soát hàng hóa;
- (d) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (e) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (f) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bán buôn tổng hợp và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	146.822.320	325.227.579
Tiền gửi ngân hàng	34.506.137	1.038.364.833
Tổng	181.328.457	1.363.592.412

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>24.575.299.310</i>	<i>4.827.017.110</i>
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	-	2.047.982.220
Công ty TNHH Nhật Hải Bình	-	14.758.614
Công ty TNHH thực phẩm Thái Việt	-	2.764.276.276
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại XNK Daco	8.302.663.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại XNK Famy	3.813.521.228	-
Công ty cổ phần đông dược Ninh Bình	2.900.183.496	-
Nguyễn Đức Hà	5.061.007.500	-
Đối tượng khác	4.497.923.439	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	9.500.000.000	(*)		
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
				9.500.000.000
				(*)
				Dự phòng

(*) Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang là công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	75.000.000	-
Phải thu	-	-	75.000.000	-
<i>Dài hạn</i>	50.000.000	-	-	-
Ký cược, ký	50.000.000	-	-	-

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.898.394.664	-	14.584.737.789	-
Tổng	4.898.394.664	-	14.584.737.789	-

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.348.645.455	1.348.645.455
Số dư cuối năm	1.348.645.455	1.348.645.455
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	35.183.634	35.183.634
Khấu hao trong năm	224.774.244	224.774.244
Số dư cuối năm	259.957.878	259.957.878
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	1.313.461.821	1.313.461.821
Tại ngày cuối năm	1.088.687.577	1.088.687.577

5.7 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	10.092.000.000	-	10.092.000.000	-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000	-	9.164.100.000	-
Nhà	927.900.000	-	927.900.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	97.778.710	35.669.274	133.447.984	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	97.778.710	35.669.274	133.447.984	-
Giá trị còn lại	9.994.221.290			-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000			-
Nhà	830.121.290			-

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Mua sắm tài	-	4.377.275.000
Sửa chữa	118.181.818	-
Tổng	118.181.818	4.377.275.000

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Ngắn hạn</i>	257.361.023	25.292.500
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.518.850	12.942.500
Chi phí thuê kho	109.300.000	12.350.000
Chi phí khác	79.542.173	-
Dài hạn	851.188.813	219.551.361
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	387.221.268	219.551.361
Chi phí khác	463.967.545	-
Tổng	1.108.549.836	244.843.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	16.565.538.819	16.565.538.819	28.554.620.961	28.554.620.961
Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hoàng Lan	-	-	2.023.390.348	2.023.390.348
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	3.998.622.995	3.998.622.995	26.360.120.113	26.360.120.113
Công Ty TNHH Asia Minh Đức	-	-	171.110.500	171.110.500
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Sơn Tùng	5.493.991.030	5.493.991.030	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Top One	4.791.032.304	4.791.032.304	-	-
Các đối tượng khác	2.281.892.490	2.281.892.490	-	-
Tổng	16.565.538.819	16.565.538.819	28.554.620.961	28.554.620.961

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019				01/01/2019			
	Giá gốc		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-	-	-
Mạc Thị Hoa	-	-	-	-	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000

Thông tin về các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân:

- Khoản vay bà Mạc Thị Hoa theo hợp đồng vay cá nhân số HDVCN01/2018/MTH-CEN ngày 10/12/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/2018 ngày 10/12/2018; 02/KUNN/2018 ngày 14/12/2018 với tổng giá trị 2.513.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 0%/năm, không có tài sản đảm bảo.
- Khoản vay ông Trần Mạnh Sơn theo các hợp đồng vay cá nhân số CEN-TMS số 01/2019 ngày 21/06/2019 với giá trị 2,5 tỷ đồng và hợp đồng vay cá nhân số 02/2019/CEN-TMS ngày 07/08/2019 với giá trị 4,1 tỷ đồng đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 9%/năm, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Năm 2019		31/12/2019
		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	
Phải nộp	196.814.620	551.942.013	390.832.350	357.924.283
Thuế GTGT đầu ra	-	258.185.177	115.150.740	143.034.437
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	165.974.620	219.181.399	195.826.173	189.329.846
Thuế Thu nhập cá nhân	30.840.000	59.220.000	64.500.000	25.560.000
Thuế khác	-	15.355.437	15.355.437	-

5.13 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>826.650.000</i>	<i>558.450.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558.450.000	558.450.000
Lãi vay phải trả	268.200.000	-
Tổng	826.650.000	558.450.000

5.14 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.092.000.000	579.090.944	13.671.090.944
Lãi trong năm trước	-	3.424.891.229	3.424.891.229
Chia cổ tức	-	(654.600.000)	(654.600.000)
Số dư đầu năm nay	13.092.000.000	3.349.382.173	16.441.382.173
Lãi trong năm nay	-	757.832.520	757.832.520
Số dư cuối năm	13.092.000.000	4.107.214.693	17.199.214.693

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	13.092.000.000	13.092.000.000
Tổng	13.092.000.000	13.092.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	13.092.000.000	13.092.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	13.092.000.000	13.092.000.000
Cổ tức đã chia	-	654.600.000

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.309.200	1.309.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.309.200	1.309.200
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.309.200	1.309.200
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.733.109.281	111.293.899.631
Tổng	60.733.109.281	111.293.899.631

5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	38.947.610	416.128.221
Tổng	38.947.610	416.128.221

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	55.723.113.913	103.372.831.832
Tổng	55.723.113.913	103.372.831.832

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.753.641	430.995
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.022.618	-
Tổng	64.776.259	430.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	268.200.000	-
Chi phí tài chính khác	715.299.420	-
Tổng	983.499.420	-

5.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>2.297.719.529</i>	<i>2.235.992.158</i>
Chi phí nhân viên quản lý	723.109.000	876.852.500
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.970.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	584.853.620	143.379.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.443.518	127.973.634
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.110.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.705.694	778.141.573
Chi phí khác bằng tiền	90.607.697	303.565.347
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>678.130.000</i>	<i>987.717.000</i>
Chi phí nhân viên	678.130.000	987.717.000
Tổng	2.975.849.529	3.223.709.158

5.21 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	48.625	2.621
Tổng	48.625	2.621

5.22 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	67.924.743	-
Các khoản khác	61.436.583	550.000
Tổng	129.361.326	550.000

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	189.329.847	856.222.807
Tổng	189.329.847	856.222.807

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.853.620	145.349.104
Chi phí nhân công	1.401.239.000	1.864.569.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.774.244	127.973.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	638.705.694	782.251.573
Chi phí khác bằng tiền	90.607.697	303.565.347
Tổng	2.940.180.255	3.223.709.158

5.25 Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Mạc Thị Hoa	Thành viên Hội đồng quản trị
Lương Quang Hiệp	Thành viên Hội đồng quản trị
Nguyễn Hữu Thường	Thành viên Hội đồng quản trị
Nguyễn Thị Minh Hội	Thành viên Hội đồng quản trị
Trần Ngọc Mai	Cổ đông lớn
Triệu Tiến Duân	Cổ đông lớn
Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng	-	3.500.422.937
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	-	3.500.422.937
Vay	6.600.000.000	15.513.000.000
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-
Trả tiền vay	-	-
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000
Mạc Thị Hoa	2.513.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban giám đốc - Lương và thu nhập khác	86.400.000	123.460.000
Tổng	86.400.000	123.460.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Vay và nợ</i>	6.600.000.000	2.513.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-
<i>Lãi vay phải trả</i>	268.200.000	-
Trần Mạnh Sơn	268.200.000	-

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020





Phạm Thị Hà

Mạc Thị Hoa

Trần Mạnh Sơn